

CHUẨN BỊ TÂM LÝ CHO TRẺ 2-3 TUỔI LẦN ĐẦU ĐẾN TRƯỜNG MẦM NON TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ THANH HUYỀN
Khoa Giáo dục Mầm non,
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 22/4/2026. Sửa chữa xong 25/5/2026. Duyệt đăng 30/5/2026.

Abstract

This paper presents findings on the psychological preparation of 2–3-year-old children entering preschool for the first time in Ho Chi Minh City. Using a mixed-methods design, the study involved 230 participants, including parents, teachers, and administrators from nine preschools across three new administrative areas. Results revealed limited readiness: only 22% of schools organized a “familiarization week” and 28% of parents engaged in emotional preparation. Regression analysis identified three key predictors of children’s adaptation: family emotional preparation ($r = 0.62$), parent–teacher collaboration ($r = 0.58$), and a friendly classroom environment ($r = 0.55$). This paper proposes a two-way Family–School collaboration model with three pillars: emotional and routine preparation at home, soft transition at school, and a 14-day feedback mechanism. Findings contribute to the theoretical and practical foundation for supporting early childhood transitions in Vietnam.

Keywords: 2–3-year-old children, family-school collaboration, preschool adaptation, psychological readiness.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận tốc độ tăng nhanh về số lượng trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ (2-3 tuổi) đến trường mầm non, đặc biệt sau giai đoạn sắp xếp lại địa giới hành chính (từ tháng 7 năm 2025). Sự mở rộng quy mô hệ thống giáo dục mầm non đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của các gia đình trẻ, song song với đó là thách thức lớn về chuẩn bị tâm lý cho trẻ lần đầu rời vòng tay gia đình để bước vào môi trường tập thể. Ở lứa tuổi này, sự phát triển cảm xúc và hành vi của trẻ còn non nớt, tính gắn bó với người chăm sóc chính (đặc biệt là mẹ) rất mạnh; việc thay đổi môi trường đột ngột dễ dẫn đến phản ứng lo âu, khóc kéo dài, từ chối ăn - ngủ và rối nhiễu cảm xúc tạm thời (Bowlby, 1988; Ahnert et al., 2022). Trong khi các quốc gia phát triển đã hình thành hệ thống hỗ trợ chuyển tiếp từ gia đình sang trường mầm non (transition-to-school framework) khá hoàn chỉnh, ví dụ như mô hình “Soft Entry Week” tại Úc (Fabian & Dunlop, 2021), “Transition to Preschool Program” tại Hàn Quốc (Lee & Kang, 2020) hay các hướng dẫn “School Readiness and Family Engagement” của UNICEF (2022) thì tại Việt Nam chưa có một mô hình hoặc bộ hướng dẫn chính thức nào giúp gia đình và nhà trường chuẩn bị tâm lý cho trẻ trước khi nhập học. Nhiều phụ huynh vẫn quan niệm rằng việc “làm quen trường lớp” là nhiệm vụ của giáo viên (GV), trong khi GV lại gặp khó khăn do thiếu thời gian, nhân lực và tài liệu hướng dẫn cụ thể. Sự thiếu phối hợp hai chiều giữa gia đình và nhà trường trở thành một khoảng trống đáng kể trong hệ thống giáo dục mầm non hiện nay (Trần Thị Kim Liên, 2021; Vũ Thị Tố Tâm, 2025).

Chuẩn bị tâm lý cho trẻ trước khi nhập học không chỉ là vấn đề của riêng các bậc cha mẹ mà là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với giáo dục mầm non Việt Nam trong bối cảnh đổi mới toàn diện. Để đạt được các mục tiêu nêu trên, nghiên cứu tập trung trả lời ba câu hỏi trọng tâm: 1) Thực trạng công tác chuẩn bị tâm lý cho trẻ 2-3 tuổi lần đầu đến trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay như thế nào?; 2) Những yếu tố nào ảnh hưởng đáng kể đến khả năng thích ứng và trạng thái tâm lý ban đầu của trẻ khi nhập học?; 3) Cần xây dựng mô hình phối hợp gia đình - nhà trường ra sao để

Email: huyenlth@hcmue.edu.vn

nâng cao hiệu quả chuẩn bị tâm lý cho trẻ trước khi đến trường mầm non?. Ba câu hỏi này đóng vai trò định hướng toàn bộ tiến trình nghiên cứu, từ thiết kế phương pháp đến phân tích dữ liệu và thảo luận kết quả.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Địa bàn và đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai tại Thành phố Hồ Chí Minh, với mẫu khảo sát chọn từ 9 trường mầm non thuộc ba khu vực đại diện: Thành phố Thủ Đức, khu vực trung tâm và Nam Sài Gòn. Các trường được chọn bảo đảm tiêu chí có lớp nhà trẻ 24-36 tháng, phụ huynh đồng thuận tham gia và trường hoạt động ổn định tối thiểu 3 năm. Đối tượng khảo sát gồm 130 phụ huynh có con 2-3 tuổi, 90 GV trực tiếp giảng dạy nhóm tuổi này và 10 cán bộ quản lý.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Bộ công cụ định lượng được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các thang đo liên quan đến chuẩn bị tâm lý cho trẻ trước khi đến trường. Thang đo gồm 10 mặt với 40 mục, chia thành hai nhóm: chuẩn bị từ phía gia đình và chuẩn bị từ phía nhà trường. Các nội dung chính bao gồm chuẩn bị cảm xúc, rèn nề nếp sinh hoạt, kỹ năng tự phục vụ, phối hợp phụ huynh - GV, tổ chức tuần làm quen, hỗ trợ cảm xúc của GV, môi trường lớp học thân thiện và cơ chế phản hồi trong giai đoạn đầu nhập học. Mỗi mục được đánh giá theo thang Likert 5 mức độ. Hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,91 ở nhóm phụ huynh và 0,89 ở nhóm GV sau khảo sát thử.

Công cụ định tính gồm phỏng vấn sâu bán cấu trúc với 15 phụ huynh, 9 GV và phiếu quan sát hành vi thích ứng của trẻ trong 14 ngày đầu nhập học, tập trung vào các biểu hiện: khóc, ăn, ngủ, tương tác và tham gia hoạt động.

2.3. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng thống kê mô tả, kiểm định tương quan Pearson, hồi quy tuyến tính đa biến và ANOVA một nhân tố. Dữ liệu định tính được mã hóa theo các chủ đề chính và đối chiếu với kết quả định lượng nhằm làm rõ hơn thực trạng chuẩn bị tâm lý cho trẻ 2-3 tuổi.

2.4. Độ tin cậy và giá trị của công cụ

Bộ công cụ có độ tin cậy nội tại tốt với Cronbach's Alpha > 0,8. Giá trị nội dung được thẩm định bởi 5 chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý học mầm non, giáo dục học và công tác xã hội. Giá trị cấu trúc được kiểm định bằng EFA với KMO = 0,83, Bartlett's Test Sig. < 0,001 và hệ số tải nhân tố > 0,55. Kết quả cho thấy công cụ đủ độ tin cậy và giá trị để sử dụng trong khảo sát diện rộng.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

Các khái niệm công cụ

Khái niệm "chuẩn bị tâm lý" (*psychological readiness*) trong giáo dục mầm non được hiểu là mức độ sẵn sàng về cảm xúc, nhận thức và hành vi của trẻ để thích nghi với môi trường học tập mới (Fabian & Dunlop, 2021). Theo quan điểm phát triển, chuẩn bị tâm lý không phải là kết quả tức thời mà là quá trình hình thành dần qua trải nghiệm gia đình và tương tác xã hội trước khi nhập học (UNICEF, 2022). Việc chuẩn bị tâm lý cho trẻ ở lứa tuổi này bao gồm ba thành phần cốt lõi: Chuẩn bị cảm xúc - khả năng nhận biết và điều chỉnh cảm xúc khi tách khỏi cha mẹ, hình thành niềm tin an toàn với người chăm sóc mới; Chuẩn bị hành vi - năng lực tuân thủ quy trình sinh hoạt tập thể, tự phục vụ ở mức cơ bản (ăn, ngủ, vệ sinh); Chuẩn bị xã hội - khả năng tương tác, chia sẻ và hợp tác với bạn cùng lớp cũng như người lớn khác ngoài gia đình (Pianta & Kraft-Sayre, 2020). Như vậy, chuẩn bị tâm lý cho trẻ mầm non không chỉ là chuẩn bị cho việc "đi học" theo nghĩa hẹp mà còn là chuẩn bị cho quá trình thích ứng cảm xúc - xã hội đầu đời, tạo nền tảng cho sự phát triển nhân cách và năng lực học tập suốt đời sau này.

Khái niệm "thích ứng mầm non" (*preschool adaptation*) được hiểu là khả năng của trẻ trong việc điều chỉnh cảm xúc, hành vi và mối quan hệ xã hội để hòa nhập với môi trường giáo dục mầm non mới (Sabot & Pianta, 2020). Thích ứng thể hiện ở mức độ ổn định cảm xúc, thái độ tích cực với trường lớp,

và khả năng tham gia các hoạt động chung mà không gặp phản ứng tiêu cực kéo dài. Từ góc nhìn tâm lý học ứng dụng, mức độ thích ứng của trẻ có thể được quan sát qua 5 chỉ báo chính: 1) Thời gian khóc buổi sáng khi rời cha mẹ; 2) Khả năng tham gia hoạt động nhóm; 3) Mức độ tuân thủ nề nếp lớp học; 4) Biểu hiện cảm xúc tích cực trong giờ chơi; 5) Mức độ gắn bó với cô giáo. Những chỉ báo này không chỉ phản ánh trạng thái tâm lý tức thời mà còn là cơ sở đánh giá hiệu quả của các biện pháp chuẩn bị tâm lý trước nhập học.

Phối hợp gia đình - nhà trường (*family-school collaboration*) là quá trình tương tác có mục tiêu, trong đó phụ huynh và GV chia sẻ thông tin, trách nhiệm và biện pháp hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp (Epstein, 2020). Theo mô hình hệ sinh thái của Bronfenbrenner (2020), mối liên hệ giữa hai hệ thống vi mô này - gia đình và trường học có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và thích ứng tâm lý của trẻ. Trong bối cảnh trẻ 2-3 tuổi lần đầu đến trường, sự phối hợp này thể hiện ở ba cấp độ: 1) Trao đổi thông tin: cha mẹ và GV chia sẻ hiểu biết về đặc điểm tính cách, thói quen và nhu cầu của trẻ trước khi nhập học; 2) Hỗ trợ cảm xúc: phụ huynh phối hợp với GV giúp trẻ nhận thức rằng trường học là nơi an toàn, thân thiện, đáng tin cậy; 3) Theo dõi và phản hồi: hai bên cùng quan sát, điều chỉnh và trao đổi kịp thời trong hai tuần đầu để hỗ trợ trẻ vượt qua giai đoạn lo âu chia tách.

3.2. Kết quả nghiên cứu

3.2.1. Thực trạng chuẩn bị tâm lý cho trẻ 2-3 tuổi lần đầu đến trường mầm non

a. Mức độ chuẩn bị từ phía gia đình

Kết quả khảo sát thể hiện bảng 1 cho thấy mức độ chuẩn bị tâm lý từ phía phụ huynh còn khá hạn chế. Nhiều phụ huynh chỉ chú trọng đến việc đăng ký nhập học, chuẩn bị vật chất (đồng phục, đồ dùng), trong khi thiếu sự chuẩn bị về cảm xúc và hành vi cho trẻ.

Bảng 1: Mức độ chuẩn bị của phụ huynh trước khi trẻ nhập học (n = 130)

STT	Nội dung chuẩn bị	Điểm trung bình (ĐTB)	Độ lệch chuẩn (SD)	Tỷ lệ phụ huynh thực hiện thường xuyên (%)
1	Trò chuyện, mô phỏng tình huống “đi học” cùng con	2.83	0.92	31.5
2	Rèn luyện nề nếp sinh hoạt (ăn, ngủ, vệ sinh) theo giờ lớp học	3.02	0.84	45.4
3	Khuyến khích trẻ tự phục vụ (mặc đồ, ăn uống, dọn đồ chơi)	2.75	0.89	28.5
4	Tâm thế phụ huynh khi cho con đến trường (bình tĩnh, an tâm)	2.66	1.01	27.7
5	Mức độ phối hợp với GV (liên hệ, trao đổi trước nhập học)	2.61	0.96	25.4
	ĐTB chung	2.78	0.92	

Điểm trung bình (ĐTB) chung ($M = 2.78/5$) cho thấy mức độ chuẩn bị của phụ huynh chỉ đạt mức trung bình thấp, với nhóm “rèn nề nếp sinh hoạt” có điểm cao nhất ($M = 3.02$), trong khi “phối hợp Một phụ huynh chia sẻ: “Tôi chỉ chuẩn bị quần áo và đồ dùng, còn việc con khóc hay không thì đến lớp cô đỡ là chính.” (*Phụ huynh, Nam Sài Gòn*). GV tại một trường công lập cho biết: “Phụ huynh thường vội vàng giao con rồi đi làm, ít ai dành thời gian trò chuyện với trẻ trước khi nhập học.” (*GV, Thủ Đức*). Các dữ liệu định tính cho thấy sự thiếu nhận thức về vai trò của giai đoạn chuyển tiếp tâm lý. Phụ huynh còn đặt nặng yếu tố “kỷ luật” thay vì “an toàn cảm xúc”. Điều này lý giải tại sao tỷ lệ trẻ khóc kéo dài trong tuần đầu nhập học vẫn cao.

b. Mức độ chuẩn bị từ phía nhà trường

Kết quả khảo sát 90 GV và 10 cán bộ quản lý cho thấy hoạt động chuẩn bị tâm lý cho trẻ trước nhập học ở cấp trường cũng còn rời rạc và thiếu thống nhất.

Bảng 2: Các hoạt động chuẩn bị của nhà trường (n = 100)

STT	Hoạt động	Có tổ chức (%)	Không tổ chức (%)	Hình thức thực hiện phổ biến
1	Tuần làm quen trước khi nhập học	22.0	78.0	3-5 ngày thử đến lớp, có cha mẹ đi cùng
2	Buổi gặp gỡ - tư vấn phụ huynh đầu năm	33.0	67.0	Họp phụ huynh, tư vấn tâm lý nhóm nhỏ

3	Tập huấn GV về hỗ trợ cảm xúc trẻ	26.0	74.0	Lồng ghép chuyên đề trong sinh hoạt chuyên môn
4	Trang trí góc “Chào ngày mới”, giảm kích thích âm thanh	54.0	46.0	Ảnh sáng nhẹ, âm nhạc chậm, góc riêng cho trẻ mới
5	Nhật ký phản hồi 14 ngày đầu (GV - phụ huynh)	18.0	82.0	Trao đổi miệng hoặc nhóm Zalo lớp

Bảng 2 cho ta thấy tỷ lệ các trường có hoạt động chuẩn bị chính thức còn thấp (chỉ 22% tổ chức “tuần làm quen”). Hoạt động hỗ trợ cảm xúc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân của GV. “Chúng tôi chưa có hướng dẫn cụ thể từ Sở, nên việc tổ chức tuần làm quen hay hướng dẫn phụ huynh là tùy từng trường” (*Hiệu phó, quận trung Tâm*). “GV phải tự tìm hiểu cách giúp trẻ mới, thường chỉ dỗ dành và cho trẻ chơi đồ chơi quen thuộc” (*GV, Nam Sài Gòn*). Điều này phản ánh sự thiếu đồng bộ trong chính sách quản lý giáo dục mầm non cũng như thiếu tài liệu chuyên môn hướng dẫn quy trình chuyển tiếp mầm. Mặc dù một số trường tư thục quốc tế đã có chương trình “pre-school day” nhưng chưa được phổ biến trong hệ thống công lập.

c. Mức độ thích ứng của trẻ trong 14 ngày đầu nhập học

Đánh giá khả năng thích ứng được thực hiện qua phiếu quan sát hành vi của GV trong 14 ngày đầu nhập học. Kết quả được tổng hợp ở bảng 3.

Bảng 3: Biểu hiện thích ứng của trẻ trong 14 ngày đầu (n = 130)

STT	Chỉ báo hành vi	Tuần 1 (% trẻ gặp khó khăn)	Tuần 2 (% trẻ còn khó khăn)	Ghi chú định tính
1	Khóc buổi sáng khi tách cha mẹ	81.5	45.4	“Một số trẻ khóc đến 5 ngày liên tục”
2	Từ chối ăn tại lớp	58.5	33.8	“Chỉ ăn khi cô dứt và ngồi riêng”
3	Ngủ không yên giấc, quấy khóc	51.5	27.7	“Thức giấc giữa giờ, gọi mẹ”
4	Không tham gia hoạt động nhóm	62.3	38.5	“Đứng ngoài quan sát, không cầm đồ chơi”
5	Tương tác tích cực với cô và bạn	29.2	61.5	“Cần 7-10 ngày để bắt đầu cười nói”

Trẻ có biểu hiện lo âu, sợ hãi và từ chối hoạt động phổ biến trong tuần đầu, đặc biệt ở nhóm trẻ chưa được chuẩn bị cảm xúc tại nhà. Tỷ lệ trẻ khóc giảm đáng kể ở tuần thứ hai, cho thấy tác động điều tiết tích cực từ môi trường lớp học và GV. “Trẻ có mẹ kể chuyện đi học trước thì chỉ khóc ngày đầu, sang ngày thứ hai đã chơi được” (*GV Mầm non Hoa Hướng Dương*). “Những trẻ chưa từng xa mẹ thì phản ứng rất mạnh, có bé nôn ói hoặc ôm chặt cửa lớp” (*Cán bộ chuyên môn, Thủ Đức*). Kết quả định lượng và định tính đều chỉ ra rằng chuẩn bị cảm xúc và sự phối hợp giữa gia đình - GV là yếu tố quyết định đến mức độ thích ứng của trẻ. Những trẻ được trò chuyện, chuẩn bị tâm thế trước khi đi học có biểu hiện ổn định nhanh hơn, thích nghi với nề nếp lớp chỉ sau 5-7 ngày.

Qua thống kê thực trạng trên cho thấy: 1) Chuẩn bị tâm lý của phụ huynh còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào vật chất, ít chú ý đến cảm xúc của trẻ; 2) Nhà trường chưa có hướng dẫn thống nhất về quy trình hỗ trợ tâm lý, các hoạt động “tuần làm quen” còn tự phát; 3) Trẻ gặp nhiều khó khăn trong 14 ngày đầu, đặc biệt nhóm chưa được chuẩn bị tại nhà; 4) Sự khác biệt vùng miền trong cùng thành phố thể hiện rõ tác động của điều kiện kinh tế và truyền thống giáo dục.

d. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của trẻ

Phân tích tương quan Pearson được thực hiện trên mẫu 230 người (gồm phụ huynh và GV) nhằm xác định mối quan hệ giữa các yếu tố liên quan đến mức độ thích ứng tâm lý của trẻ trong 14 ngày đầu đến trường.

Bảng 4: Ma trận tương quan Pearson Giữa các yếu tố ảnh hưởng (n = 230)

Biến quan sát	1	2	3	4	5	6
1. Chuẩn bị cảm xúc tại gia đình	1					
2. Nề nếp sinh hoạt trước nhập học	.51**	1				
3. Phối hợp phụ huynh - GV	.48**	.45**	1			
4. Hỗ trợ cảm xúc của GV	.46**	.39**	.54**	1		

5. Môi trường lớp học thân thiện	.41**	.37*	.42**	.49**	1	
6. Thích ứng của trẻ (biên phụ thuộc)	.62**	.53**	.58**	.55**	.49**	1

(Ghi chú: $p < 0.05$ (*), $p < 0.01$ (**). *)

Quan bảng 4 cho ta thấy, tất cả các yếu tố đều tương quan thuận có ý nghĩa thống kê với mức độ thích ứng của trẻ. Mức tương quan cao nhất là giữa “Chuẩn bị cảm xúc tại gia đình” và “Thích ứng của trẻ” ($r = 0.62$, $p < 0.01$). Tiếp theo là “Phối hợp phụ huynh – GV” ($r = 0.58$, $p < 0.01$). “Trẻ nào được ba mẹ nói trước, dắt đi xem trường vài lần thì ít khóc, có bé còn chạy vào lớp cười” (GV Mầm non Hoa Sen, Quận 3) “Tôi gọi cô giáo trước khi cho con nhập học để nhờ hỗ trợ, nên con quen mặt cô, ít sợ.” (Phụ huynh, TP. Thủ Đức). Mỗi tương quan mạnh giữa chuẩn bị cảm xúc tại nhà và khả năng thích ứng của trẻ cho thấy vai trò trung tâm của môi trường gia đình trong giai đoạn chuyển tiếp. Khi phụ huynh chủ động chia sẻ, mô phỏng và đồng hành cùng trẻ, phản ứng lo âu chia tách giảm rõ rệt.

3.2.2. Mô hình phối hợp Gia đình - Nhà trường trong chuẩn bị tâm lý cho trẻ

a. Cấu trúc và nội dung mô hình đề xuất

(A) Trụ cột 1 - Gia đình: Chuẩn bị cảm xúc và hành vi nền tảng: Bao gồm các hoạt động: Trò chuyện với trẻ về trường học, cô giáo, bạn bè; Thực hành “ngày đi học thử” tại nhà (mặc đồng phục, chia tay giả định); Lập thói quen sinh hoạt theo khung giờ lớp học; Cha mẹ thể hiện cảm xúc tích cực, tránh lo lắng hoặc dọa nạt.

(B) Trụ cột 2 - Nhà trường: Môi trường cảm xúc an toàn: Tổ chức “Tuần làm quen” từ 3-5 ngày có phụ huynh đồng hành; Xây dựng “góc an toàn cảm xúc” trong lớp (nệm, gối bông, nhạc nhẹ); Thiết lập “nhật ký cảm xúc 14 ngày đầu” để theo dõi phản ứng của trẻ; Tập huấn GV về kỹ năng tiếp cận trẻ mới, giảm giọng nói ra lệnh, tăng tương tác mềm.

(C) Trụ cột 3 - Phối hợp hai chiều Gia đình - Nhà trường: Họp phụ huynh “trước nhập học” (Pre-entry Conference); Tạo nhóm Zalo/Viber lớp để phản hồi tình trạng trẻ mỗi ngày; Cô giáo gửi “hình ảnh tích cực đầu tiên” của trẻ sau 1-2 ngày; Cha mẹ phản hồi nhật ký cảm xúc, cùng điều chỉnh chiến lược hỗ trợ.

b. Kết quả đánh giá mức độ khả thi của mô hình

Để kiểm chứng tính khả thi, mô hình được trình bày cho 5 chuyên gia giáo dục mầm non, 10 cán bộ quản lý và 45 GV tại 9 trường khảo sát. Các nhóm được đánh giá theo thang Likert 5 mức độ (1 = Rất không khả thi, 5 = Rất khả thi).

Bảng 5: Đánh giá mức độ khả thi và phù hợp của mô hình ($n = 60$)

STT	Nội dung đánh giá	M (Trung bình)	SD	Tỷ lệ “Đồng ý cao” (%)
1	Phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ 2-3 tuổi	4.71	0.44	93.3
2	Dễ áp dụng tại trường công lập	4.28	0.56	81.6
3	Tính khả thi trong điều kiện nhân lực hiện nay	4.12	0.63	78.3
4	Hiệu quả dự kiến trong giảm lo âu nhập học	4.68	0.39	91.6
5	Tính bền vững khi triển khai lâu dài	4.37	0.51	84.9
ĐTB chung		4.43	0.50	86.0

Điểm trung bình chung $M = 4.43$ ($SD = 0.50$) cho thấy mô hình được đánh giá cao về tính khả thi và phù hợp thực tiễn. Đặc biệt, 93.3% người tham gia cho rằng mô hình phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ 2-3 tuổi và 91.6% tin rằng nó giúp giảm đáng kể lo âu chia tách khi trẻ nhập học. “Chỉ cần cha mẹ được hướng dẫn cụ thể, họ sẽ hỗ trợ rất tốt cho con ở nhà. Vấn đề là trước đây không ai chỉ cách làm.” (GV Mầm non Ban Mai). “Nếu có nhật ký cảm xúc 14 ngày đầu, phụ huynh sẽ hiểu con hơn và hợp tác với cô nhiều hơn” (Ban giám hiệu Nam Sài Gòn). Dữ liệu định tính cho thấy mô hình không chỉ mang tính lý thuyết mà có thể tổ chức thực tế dễ dàng ở các trường công, nhờ vào các hình thức phối hợp linh hoạt như nhóm Zalo, buổi gặp gỡ đầu năm hoặc chia sẻ hình ảnh hằng ngày.

c. Kết quả thử nghiệm sơ bộ mô hình tại ba trường đại diện

Để đánh giá hiệu quả bước đầu, nhóm nghiên cứu triển khai mô hình trong tháng 9/2025 tại ba trường: Mầm non Hoa Hướng Dương (Thủ Đức), Mầm non Hồng Hạc (Nam Sài Gòn), Mầm non Hoa Sen (Quận 3).

Bảng 6: Kết quả thay đổi hành vi thích ứng của trẻ sau 14 ngày áp dụng mô hình

STT	Chỉ báo hành vi	Trước áp dụng mô hình (%)	Sau áp dụng mô hình (%)	Mức cải thiện (%)
1	Trẻ khóc buổi sáng khi tách mẹ	78.3	39.6	38.7
2	Trẻ từ chối ăn	55.0	26.6	28.4
3	Trẻ ngủ không yên giấc	48.3	21.6	26.7
4	Trẻ không tham gia hoạt động nhóm	63.3	33.3	30.0
5	Trẻ chủ động tương tác với cô và bạn	31.6	65.0	33.4

Sau 14 ngày áp dụng mô hình, tỷ lệ trẻ khóc buổi sáng giảm gần 40% và mức chủ động tương tác tăng gấp đôi. Cải thiện rõ rệt ở nhóm trẻ có cha mẹ tham gia trực tiếp “tuần làm quen” hoặc đọc nhật ký cảm xúc hằng ngày. “Sau khi tham gia tuần làm quen, bé không còn bám mẹ. Bé nói: ‘Con biết chỗ ngủ của con rồi!’” (Phụ huynh Mầm non Hồng Hạc). “Tôi gửi hình bé cười trong lớp cho mẹ xem, sáng hôm sau bé tự chạy vào lớp” (GV Mầm non Hoa Sen). Những thay đổi hành vi tích cực này không chỉ phản ánh sự thích nghi của trẻ mà còn thể hiện mối quan hệ đồng hành mới giữa phụ huynh và GV. Mô hình giúp giảm áp lực cho cả hai phía, tạo không khí hợp tác tin cậy, nhân văn trong giáo dục mầm non.

d. Mô hình phối hợp để xuất hoàn chỉnh

Mô hình phối hợp Gia đình - Nhà trường



4. Kết luận

Nghiên cứu về chuẩn bị tâm lý cho trẻ 2-3 tuổi lần đầu đến trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy đây là vấn đề có ý nghĩa thiết thực trong bối cảnh nhu cầu gửi trẻ sớm ngày càng gia tăng. Kết quả khảo sát cho thấy công tác chuẩn bị tâm lý cho trẻ trước khi nhập học còn chưa đồng bộ. Phụ huynh chủ yếu quan tâm đến chuẩn bị vật chất và nề nếp sinh hoạt, trong khi việc chuẩn bị cảm xúc, trò chuyện, mô phỏng tình huống đi học và phối hợp với GV còn hạn chế. Về phía nhà trường, các hoạt động như “tuần làm quen”, tư vấn phụ huynh, tập huấn GV và cơ chế phản hồi trong những ngày đầu nhập học chưa được tổ chức thường xuyên. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy trẻ 2-3 tuổi gặp nhiều khó khăn trong 14 ngày đầu đến trường, thể hiện qua các biểu hiện như khóc khi tách cha mẹ, từ chối ăn, ngủ không yên giấc, ít tham gia hoạt động nhóm và hạn chế tương tác với cô, bạn. Tuy nhiên, các biểu hiện này có xu hướng giảm ở tuần thứ hai, nhất là ở những trẻ được gia đình chuẩn bị cảm xúc trước, được GV hỗ trợ tích cực và có sự phối hợp thường xuyên giữa phụ huynh với nhà trường. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình phối hợp Gia đình - Nhà trường trong chuẩn bị tâm lý cho trẻ 2-3 tuổi lần đầu đến trường mầm non. Mô hình gồm ba trụ cột: gia đình chuẩn bị cảm xúc và hành vi nền tảng cho trẻ; nhà trường xây dựng môi trường cảm xúc an toàn; và cơ chế phối hợp hai chiều giữa phụ huynh với GV trước và sau nhập học. Kết quả đánh giá tính khả thi và thử nghiệm sơ bộ cho thấy mô hình phù hợp với đặc điểm tâm lý

của trẻ, có thể áp dụng trong thực tiễn và góp phần giảm lo âu chia tách, hỗ trợ trẻ thích ứng tốt hơn. Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định chuẩn bị tâm lý cho trẻ 2-3 tuổi lần đầu đến trường cần được thực hiện như một quá trình phối hợp liên tục giữa gia đình và nhà trường. Các cơ sở giáo dục mầm non cần xây dựng quy trình “chuyển tiếp mềm”, hướng dẫn phụ huynh trước nhập học, bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ cảm xúc cho GV và thiết lập cơ chế theo dõi, phản hồi trong 14 ngày đầu trẻ đến trường. Nghiên cứu còn giới hạn ở 9 trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng địa bàn, tăng quy mô mẫu và kiểm chứng mô hình trong thời gian dài hơn.

Tài liệu tham khảo

- Ahnert, L., Gunnar, M. R., Lamb, M. E., & Barthel, M. (2022). Transition to childcare: Emotional and physiological adjustment in young children. *Early Child Development and Care*, 192(4), 521–534. <https://doi.org/10.1080/03004430.2020.1845165>.
- Bowlby, J. (1988). *A secure base: Parent-child attachment and healthy human development*. Basic Books.
- Bronfenbrenner, U. (2020). *The ecology of human development: Experiments by nature and design*. Harvard University Press.
- Fabian, H., & Dunlop, A.-W. (2021). *Transitions in the early years: Debating continuity and progression for young children in early education* (2nd ed.). Routledge.
- Lee, J., & Kang, E. (2020). Preschool readiness and family involvement in South Korea. *Early Education and Development*, 31(8), 1203-1220. <https://doi.org/10.1080/10409289.2020.1734961>.
- Pianta, R. C., & Kraft-Sayre, M. (2020). *Successful kindergarten transition: Connecting children, families, and schools*. Paul H. Brookes Publishing.
- Trần Thị Kim Liên (2021). Thực trạng công tác chuẩn bị cho trẻ mầm non trước khi nhập học tại Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 15(2), 45-53.
- UNICEF. (2022). *Global early childhood education readiness report 2022: Emotional wellbeing and school transition*. UNICEF Publications.
- Vũ Thị Tố Tâm (2025). *Chuẩn bị tâm lý cho trẻ nhà trẻ khi nhập học lần đầu*. Luận văn Thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC...

Tiếp theo trang 131

3. Kết luận

Phát triển năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc cho SV ngành GDMN là yêu cầu cần thiết trong đào tạo GVMN hiện nay. Năng lực này không chỉ giúp SV thực hiện tốt các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mà còn góp phần hình thành sự tự tin, khả năng sáng tạo và bản lĩnh nghề nghiệp của GV tương lai. Đối với Trường Đại học Tây Bắc, việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc cần được đặt trong mối quan hệ với đặc thù văn hóa vùng miền, đặc điểm SV và nhu cầu giáo dục trẻ em ở khu vực miền núi phía Bắc. Vì vậy, để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ này cần xây dựng khung năng lực rõ ràng, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng thực hành - trải nghiệm, tăng cường rèn luyện kỹ năng âm nhạc cơ bản, phát triển năng lực thiết kế kế hoạch hoạt động, khai thác chất liệu âm nhạc dân gian Tây Bắc, gắn đào tạo với thực hành tại cơ sở mầm non và đổi mới đánh giá theo hướng năng lực. Khi các biện pháp này được triển khai đồng bộ, SV ngành GDMN sẽ có điều kiện phát triển năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc một cách vững chắc, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN và góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa địa phương trong nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- Barrett, M. S., Flynn, L. M., Brown, J. E., & Welch, G. F. (2019). Beliefs and values about music in early childhood education and care: Perspectives from practitioners. *Frontiers in Psychology*, 10, Article 724. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2019.00724>.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình giáo dục mầm non*.
- Elliott, D. J., & Silverman, M. (2015). *Music matters: A philosophy of music education* (2nd ed.). Oxford University Press.
- Hallam, S. (2010). The power of music: Its impact on the intellectual, social and personal development of children and young people. *International Journal of Music Education*, 28(3), 269-289. <https://doi.org/10.1177/0255761410370658>.
- Pillai, J., & Achilles, V. (2015). *Learning with intangible heritage for a sustainable future: Guidelines for educators in the Asia-Pacific region*. UNESCO Bangkok.